

Hợp tác số: Triển vọng mới trong quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ

Digital cooperation: New prospects in Vietnam - United States relations

ThS. NGUYỄN QUANG SÁNG

Học viện Chính trị khu vực II, Việt Nam; Email: quangsang.hcma2@gmail.com

Ngày nhận bài: 08/12/2025

Ngày phản biện: 15/01/2026

Ngày duyệt đăng: 20/3/2026

Bài viết thuộc lĩnh vực: Lý luận chính trị

Tóm tắt: Nhu cầu hợp tác giữa các quốc gia hiện nay rất đa dạng và dựa trên thế mạnh của mỗi nước. Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số mạnh mẽ như hiện nay, các quốc gia bắt đầu nhận thấy được tiềm năng, sức mạnh của khoa học công nghệ và chuyển đổi số đang là hướng đi quan trọng mang tầm chiến lược. Bài viết phân tích ý nghĩa và triển vọng của hợp tác số giữa Việt Nam và Hoa Kỳ khi hai nước tuyên bố chung nâng cấp quan hệ lên đối tác chiến lược toàn diện vào tháng 9/2023.

Từ khóa: hợp tác số; chuyển đổi số; chiến lược số.

Abstract: The need for cooperation among countries today is diverse and often based on each nation's strengths. In the context of globalization and rapid digital transformation, countries have increasingly recognized the potential and strategic importance of science, technology, and digital transformation. This article analyzes the significance and prospects of digital cooperation between Vietnam and the United States following their joint declaration in September 2023 to upgrade bilateral relations to a comprehensive strategic partnership.

Keywords: digital cooperation; digital transformation; digital strategy.

1. Đặt vấn đề

Trên thế giới hiện nay, các quốc gia có chủ quyền là những chủ thể quan trọng nhất trong quan hệ quốc tế với sự khác biệt về chế độ chính trị và thể chế kinh tế nhưng đều có chung mục tiêu là duy trì và phát triển bằng sức mạnh tổng hợp mà quốc gia đó có được. Đó có thể là sức mạnh tổng hợp trên các lĩnh vực về kinh tế, quân sự, khoa học và công nghệ số như Hoa Kỳ, Trung Quốc, hoặc sức mạnh về kinh tế, công nghệ thông tin như Nhật Bản, Hàn Quốc. Sự đan xen lợi ích là yếu tố quan trọng trong quan hệ quốc tế hiện đại và lợi ích về hợp tác số đã trở thành nhu cầu có thật hiện nay giữa các quốc gia. Điều này cũng phần nào lý giải được trường hợp điển hình tại sao một nước lớn có sức mạnh tổng hợp, có sức ảnh hưởng toàn cầu như Hoa Kỳ sẵn sàng trở thành đối tác chiến lược của một nước nhỏ như Việt Nam. Theo Bộ Khoa học và Công nghệ, “chuyển đổi số là quá trình thay

đổi tổng thể và toàn diện của cá nhân, tổ chức về cách sống, cách làm việc và phương thức sản xuất dựa trên các công nghệ số” (Bộ Thông tin và Truyền thông, 2020). Luận điểm này một lần nữa được củng cố qua giả thuyết “Tiền bạc tiêu mãi cũng hết, quyền lực rồi sẽ mất; chỉ có trí tuệ của con người thì khi sử dụng không những không mất đi mà còn lớn lên” (Alvin Toffler, 1992). Điều này có ý nghĩa không những về mặt nhận thức mà còn có nghĩa mang tính chất dự báo về tương lai hợp tác số - một nội dung do con người sản sinh ra. Hợp tác số giữa Việt Nam và Hoa Kỳ cũng không ngoại lệ khi hai nước không chỉ đơn thuần hợp tác với nhau dựa trên nhu cầu của mình mà còn dựa trên những thế mạnh riêng sẵn có. Hoa Kỳ với ưu thế về khoa học và công nghệ số, Việt Nam với thế mạnh về nguồn nhân lực trẻ và đang trong quá trình chuyển đổi số mạnh mẽ. Hợp tác số giữa hai nước cần thiết hơn bao giờ hết trong bối cảnh cách

mạng khoa học công nghệ 4.0 hiện nay. Sức mạnh số quốc gia hoặc khả năng chuyển đổi số quốc gia đã và đang trở thành một cực tăng trưởng quan trọng trong chính sách của Việt Nam mà đối tác chiến lược quan trọng đó là Hoa Kỳ.

2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở tiếp cận lý thuyết hợp tác trong quan hệ quốc tế, nghiên cứu phân tích các lý thuyết quan hệ quốc tế và trích dẫn các sự kiện, tài liệu liên quan đến hợp tác số giữa Việt Nam và Hoa Kỳ để phân tích và đánh giá triển vọng hợp tác số giữa hai nước trong tương lai, cụ thể qua các giả thuyết nghiên cứu sau:

Một là, Hoa Kỳ sẵn sàng hợp tác số của đối với Việt Nam nhằm tăng cường ảnh hưởng của Hoa Kỳ như một phần của chính sách tự do thông tin và các “giá trị Mỹ” đối với thế giới.

Hai là, sự hợp tác số của Việt Nam và Hoa Kỳ hiện nay có sự song trùng về lợi ích, bổ sung lẫn nhau và là sự xu hướng chung trên thế giới hiện nay khi các quốc gia phải tăng cường chuyển đổi số thay vì chỉ thiết lập qua các kênh ngoại giao truyền thống như trước đây.

Ba là, quan hệ hợp tác số giữa Việt Nam - Hoa Kỳ được đặt bối cảnh có nhiều thách thức về an ninh không gian mạng và rủi ro khủng hoảng truyền thông.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Nội hàm hợp tác số giữa Việt Nam – Hoa Kỳ

Hiện nay trên thế giới còn nhiều cách hiểu khác nhau về hợp tác số giữa các quốc gia. Hiện nay, có ba cách hiểu về hợp tác số giữa các quốc gia.

Thứ nhất, đó là hợp tác trong khuôn khổ liên minh về công nghệ tức nhấn mạnh tầm quan trọng trong chính sách của các chính phủ ở mỗi quốc gia. Quan điểm này có nguồn gốc từ quan điểm của các quốc gia thuộc OECD (Organization for Economic Cooperation and Development: Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế), theo đó công nghệ số và số hóa nói chung được xem là một trong những ngành công nghệ cao đòi hỏi các quốc gia phải đặc biệt quan tâm, nghiên cứu và phát triển.

Thứ hai, hợp tác số liên quan đến an ninh quốc gia và an toàn thông tin của quốc gia đó khi tham gia hợp tác song phương hoặc đa phương. Quan điểm này thực chất xem hợp tác số là một công cụ trong chính sách đối ngoại của các nước để: (i) chia sẻ thông tin đáng tin cậy, thậm chí là thông tin tình báo

chiến lược. Điển hình của quan điểm này đó là nhóm “FVYE” (Five eyes: Liên minh Ngũ nhân gồm Hoa Kỳ, Anh, Úc, New Zealand và Ireland) nhằm chia sẻ thông tin tình báo chiến lược trong suốt thời kỳ sau thế chiến thứ hai trở đi với mục tiêu cao nhất là tăng cường hợp tác số về tin tức tình báo và gia tăng ảnh hưởng từ tin tức tình báo đó; (ii) ghi nhận trong chiến lược an ninh quốc gia hoặc chiến lược an toàn thông tin mạng quốc gia. Quan điểm hợp tác số được xem như một công cụ để thúc đẩy an ninh quốc gia và điều này được thể hiện rất rõ rệt qua chiến lược an ninh quốc gia của Hoa Kỳ và Trung Quốc. Đối với Hoa Kỳ, chiến lược an ninh quốc gia năm 2022 được ban hành thời Tổng thống J.Biden đã cơ bản xác lập nhiều nội dung mới nhưng vẫn kế thừa nhiều di sản trong chiến lược an ninh quốc gia thời Tổng thống D.Trump năm 2017 (White House, 2022) theo hướng tự do hóa thông tin và tự do công chúng về truyền thông luôn được xem như một “giá trị Mỹ”. Vào tháng 3/2023, Nhà trắng đã công bố tài liệu có tên: “National Cybersecurity Strategy” (tạm dịch là Chiến lược an ninh mạng quốc gia) trong đó có một nhận định rất quan trọng là để chống lại các mối đe dọa toàn cầu và bảo vệ tự do Internet, Hoa Kỳ sẵn sàng mở rộng hợp tác với các quốc gia và tăng cường xây dựng một mô hình hợp tác nổi trội liên quan đến an ninh quốc gia (White House, 2023). Đối với Trung Quốc, ngày 12/5/2025 vừa qua, Bắc Kinh đã công bố tài liệu có tên: “China’s National Security in the New Era” (bản tiếng Anh được tạm dịch là Chiến lược an ninh quốc gia của Trung Quốc trong thời đại mới”. Theo đó, Trung Quốc đưa ra quan điểm rất mới về an ninh quốc gia thời đại mới là: lấy an ninh nhân dân làm mục tiêu cao nhất, an ninh chính trị là cơ bản, an ninh quốc gia là nguyên tắc chỉ đạo xuyên suốt. Trung Quốc cũng đảm bảo an ninh riêng và an ninh chung toàn cầu thông qua khái niệm quản trị toàn cầu và duy trì chủ nghĩa đa phương (Beijing, 2025).

Thứ ba, hợp tác số là công cụ và là nội dung cơ bản của ngoại giao số. Theo học giả Vũ Lê Thái Hoàng có trích dẫn quan điểm của học giả Craig Hayden trong cuốn Digital Diplomacy (Ngoại giao số) cho rằng bản chất của ngoại giao số ngày nay trên thế giới đã mở rộng và thông qua các công cụ số để mở rộng ảnh hưởng và lợi ích ngoại giao của quốc gia (Vũ Lê Thái Hoàng, 2020). Như vậy, quan điểm này

chỉ ra rằng ngoại giao số đang là một công cụ hữu hiệu để thúc đẩy chính sách đối ngoại của quốc gia ra bên ngoài thế giới. Học giả Vũ Lê Thái Hoàng cũng đề xuất khái niệm mới cho hợp tác số hiện nay là nội dung quan trọng của ngoại giao số - một dạng quyền lực mềm mới bổ sung cho ngoại giao truyền thống. Còn theo quan điểm của học giả Lê Hải Bình khi giải thích về các xu hướng truyền tải thông tin hiện nay trên thế giới với lý thuyết dòng chảy tự do của thông tin đặc biệt có ý nghĩa khi giải thích nhu cầu hợp tác số hiện nay và bản chất hợp tác này càng có ý nghĩa khi sự xuất hiện của Internet đã củng cố sức mạnh vào phương tiện này (Lê Hải Bình, 2023).

3.2 Đánh giá những triển vọng mới trong hợp tác số giữa Việt Nam và Hoa Kỳ

Trong tuyên bố chung nâng cấp quan hệ hợp tác đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam – Hoa Kỳ vào tháng 9/2023, lĩnh vực hợp tác số được xem là đột phá nhất trong khuôn khổ hợp tác giữa hai nước hiện nay (Bộ Ngoại giao Việt Nam, 2023). Khác với khuôn khổ hợp tác đối tác toàn diện vào tháng 7/2013 chỉ bàn hẹp về lĩnh vực khoa học và công nghệ nói chung, hợp tác số và chuyển đổi số trong các tuyên bố gần đây của lãnh đạo cấp cao hai nước nhiều lần tái khẳng định tầm quan trọng trong hợp tác số trên hai phương diện:

Thứ nhất, về chính sách đối ngoại. Hợp tác số trong thế kỷ XXI với điểm nhấn là sự phát triển nhanh chóng của các thế hệ chip, công nghệ bán dẫn và các thành tựu của ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào trong tất cả các lĩnh vực của đời sống cho thấy hướng đi đúng đắn trong quan hệ ngoại giao hai nước. Lãnh đạo cấp cao hai nước cùng các doanh nghiệp hàng đầu của Hoa Kỳ, trong lĩnh vực về AI và số hóa đang đầu tư tại Việt Nam đều nhấn mạnh rằng Việt Nam đang có nhiều thế mạnh về nhân lực và tài nguyên, Hoa Kỳ thì có thế mạnh về vốn và công nghệ, đây là điểm chung của hợp tác số giữa Việt Nam và Hoa Kỳ hiện nay. Việt Nam đã nhận thức rất đầy đủ về tầm quan trọng của khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong thời gian gần đây, cụ thể Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết 57 là chuyên đề về chiến lược đột phá trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia với nhiều mục tiêu rất cao và rất cấp bách với mục tiêu đến năm 2030 đạt quy mô kinh tế số là 30% và năm 2045 có quy

mô kinh tế số là 50% tổng GDP của quốc gia. Tuy nhiên, với mục tiêu khá khiêm tốn là kinh phí chi cho lĩnh vực nghiên cứu phát triển (R&D) chỉ đạt 2% GDP nhưng mục tiêu này là phù hợp với nước phát triển trung bình khi lựa chọn những lĩnh vực hợp tác số có hàm lượng công nghệ cao theo khuyến cáo từ OECD trong mức 1% đến 4% đối với các lĩnh vực công nghệ cao mức trung bình (Bộ Chính trị, 2024).

Thứ hai, về triển khai nội dung hợp tác. Căn cứ tuyên bố chung giữa hai nước vào tháng 9/2023, hợp tác số giữa Việt Nam và Hoa Kỳ có rất nhiều nội dung liên quan, tuy nhiên, trong khuôn khổ bài viết này chỉ tập trung một số nội dung cụ thể sau: (i) tăng cường đào tạo nhân sự công nghệ cao và sáng kiến nghiên cứu và trao đổi chuyên gia; (ii) tăng cường phát triển hệ sinh thái bán dẫn; (iii) triển khai hạ tầng số và tiến tới thúc đẩy kinh tế số. Để đánh giá tiềm năng và các triển vọng phát triển mới trong lĩnh vực hợp tác số nên trên với tư cách là một công cụ hỗ trợ ngoại giao:

Một là, tăng cường đào tạo nhân sự công nghệ cao, sáng kiến nghiên cứu và trao đổi chuyên gia. Đây vừa là sáng kiến nhưng đồng thời đã đi vào vận hành vào tháng 3/2025 vừa qua thông qua chương trình trao đổi học thuật danh tiếng thuộc chương trình hợp tác học thuật quốc tế (IAPP: International Academic Partnership Program). Chương trình này kỳ vọng nhưng một đòn bẩy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nhân sự công nghệ cao thông qua hoạt động trao đổi học thuật và chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực hợp tác số.

Hai là, tăng cường phát triển hệ sinh thái bán dẫn. Công nghệ bán dẫn nói chung được thế giới hiện nay xếp vào nhóm công nghệ về vật liệu mới và công nghệ nano, tức nhóm công nghệ tiên tiến và có hàm lượng khoa học lẫn giá trị gia tăng rất cao. Để tiến hành nghiên cứu, sản xuất và thử nghiệm các loại công nghệ liên quan đến nhóm này cần rất nhiều đầu tư về kinh phí và nhân lực cũng phải có trình độ chuyên môn rất cao. Đối với các nước thuộc nhóm G7 (G8 trước đây, gồm Hoa Kỳ) đã xếp nhóm công nghệ liên quan đến bán dẫn thuộc 13 nhóm công nghệ cao nhất. Như vậy, cho thấy tầm quan trọng rất đặc biệt của hệ sinh thái bán dẫn hiện nay đối với các quốc gia. Mặt khác, để thực hiện được hệ sinh thái bán dẫn này phải có ba điều kiện tiên quyết đó là: đất hiếm làm nguồn nguyên liệu, máy quang khắc để chế tạo

và con người trình độ cao để vận hành.

Ba là, triển khai hạ tầng số và tiến tới thúc đẩy kinh tế số. Đây là cam kết quan trọng nhất trong khuôn khổ hợp tác số giữa hai bên. Theo đó, nhiệm vụ quan trọng mà hai nước đã xác định đó là phải nhanh chóng triển khai được hạ tầng kỹ thuật số. Nếu không có hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là hạ tầng viễn thông công nghệ cao thì không thể thúc đẩy được các quy trình về sản xuất và số hóa. Điều này đã được ghi nhận cụ thể trong tuyên bố chung giữa hai nước vào tháng 9/2023 đó là Hoa Kỳ xem xét thiết lập mạng lưới vô tuyến mở (phòng đào tạo O-RAN) tại Việt Nam và đưa vào vận hành mạng 5G an toàn và áp dụng các công nghệ mới nổi.

4. Kết luận và khuyến nghị chính sách

Hợp tác số hiện nay giữa các quốc gia trên thế giới là nhu cầu cấp bách với nhiều hình thức đa dạng, linh hoạt. Việt Nam đã nhận thức đầy đủ các xu thế, thời cơ cùng với thách thức và Việt Nam cũng sẵn sàng chuyển đổi trạng thái để vươn mình trong hội nhập quốc tế từ “chủ động và tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng” sang “đồng bộ - toàn diện - sâu rộng và hiệu quả”. Tuy nhiên, công tác ngoại giao cần đi trước mở đường cho việc thúc đẩy hợp tác số hai nước thực sự thực chất, đi vào chiều sâu thông qua những chính sách cụ thể. Trong thời gian qua, hợp tác số giữa Việt Nam và Hoa Kỳ đã và đang triển khai nhiều biện pháp tích cực nhằm hiện thực hóa các cam kết trong tuyên bố chung vào tháng 9/2023 nhưng hiện vẫn còn chuyển động chậm. Do đó, một số khuyến nghị chính sách mà Việt Nam cần tích cực, chủ động tăng cường hợp tác và đa dạng hóa các hình thức hợp tác số song phương, đó là:

Thứ nhất, chuyển từ kêu gọi đầu tư sang ban hành chính sách ưu đãi đầu tư cho các nhà đầu tư FDI của Hoa Kỳ để họ có thể mạnh dạn triển khai các cam kết thực hiện các dự án và tăng cường đào tạo nhân sự chất lượng cao, cùng với thúc đẩy chuyển giao công nghệ để phục vụ cho quá trình chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo của Việt Nam. Quan điểm này là rất phù hợp với chủ trương chung tại Nghị quyết số 59 của Bộ Chính trị vì hiện nay các rủi ro về an toàn thông tin, an toàn mạng viễn thông liên quan mật thiết đến bảo vệ an ninh quốc gia trong tình hình mới và việc Việt Nam cần phải tiệm cận dần với các chuẩn mực chung của thế giới đang là đòi hỏi cấp bách.

Thứ hai, gia tăng năng lực nghiên cứu và phát triển (R&D) của Việt Nam thông qua sự hỗ trợ kỹ thuật tại các dự án hợp tác chung Việt Nam và Hoa Kỳ. Thời gian qua cho thấy tỷ lệ phần trăm tổng mức đầu tư dành cho R&D của Việt Nam hiện còn rất ít. Mục tiêu mà Việt Nam phấn đấu đến năm 2030 là 2% GDP theo Nghị quyết 57 của Bộ Chính trị đề thực hiện được cần phải có nguồn lực đầu tư lớn và có nhiều chính sách ưu đãi nhiều hơn dành cho các doanh nghiệp Việt Nam đang là đối tác của các doanh nghiệp FDI của Hoa Kỳ.

Thứ ba, thông qua các kênh ngoại giao và hoạt động tiếp xúc cấp cao thúc đẩy giới doanh nghiệp, đặc biệt là các quỹ đầu tư mạo hiểm lớn của phía Hoa Kỳ vì hiện nay số lượng các nhà đầu tư mạo hiểm dành riêng cho mảng hợp tác số của Hoa Kỳ hiện chỉ chiếm tỷ lệ và nguồn vốn còn rất khiêm tốn tại Việt Nam. Đối thoại thường niên tại các diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam - Hoa Kỳ cùng với các nhà hoạch định chính sách, chuyên gia hai nước cùng với đại diện cấp cao hai nước nên được tổ chức thường xuyên hơn. Các báo cáo tại các diễn đàn này là cơ sở tham khảo quan trọng để lãnh đạo hai nước tiếp tục trao đổi về hợp tác số trong tương lai./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alvin Toffler. (1992). *Thăng trầm quyền lực* (tr. 41). Nxb. Thông tin Lý luận, Hà Nội.
2. Bộ Thông tin và Truyền thông. (2020). *Cẩm nang chuyển đổi số*. Hà Nội.
3. Bộ Ngoại giao Việt Nam: *Tuyên bố chung Việt Nam - Hoa Kỳ: Nhân chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Hoa Kỳ Joe Biden tháng 9/2023*.
4. *Bộ chính trị*. (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.
6. Beijing. (2025). *China's National Security in the New Era*, China, ver.English.
5. Lê Hải Bình. (2023). *Công tác thông tin đối ngoại hướng tới các mục tiêu chiến lược 2030, tầm nhìn 2045* (tr.20) Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
7. White House. (2022). *The 2022 National Security Strategy*, USA.
8. White House. (2023). *National Cybersecurity Strategy, USA*, pp.29.
9. Vũ Lê Thái Hoàng. (2020). *Ngoại giao chuyên biệt: Hướng đi, ưu tiên mới của ngoại giao Việt Nam đến năm 2030* (tr.159). Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội